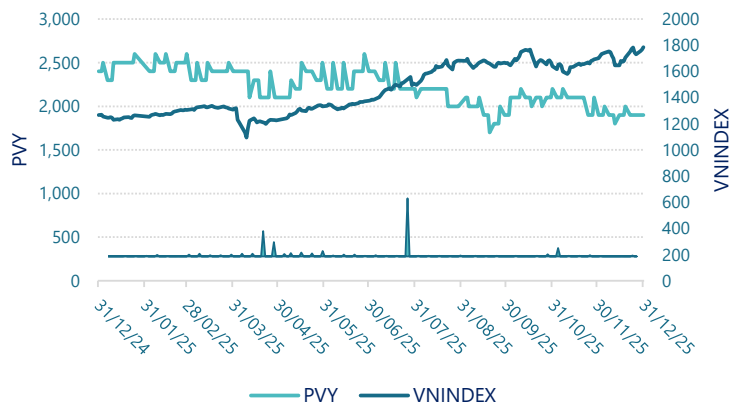




CTCP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (UPCOM: PVY)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	59,489,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	505
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	113
P/E	240.6
EPS	8

DT thuần

Q4/25

269

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.0 | 9.9%

YoY: ▼ 17.0 | -5.8%

LN sau thuế

Q4/25

1.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.09 | -5.9%

YoY: ▲ 8.66 | 119%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.2%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2025

1,290

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 227 | 21.3%

LN sau thuế

2025

0.47

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.29 | 165%

ROE

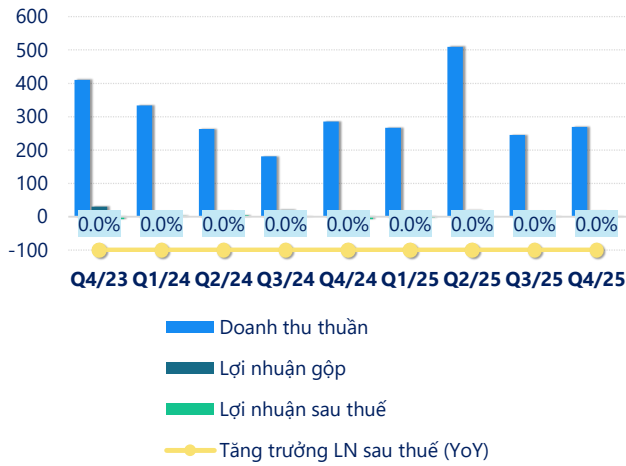
2025

-0.1%

+/- YoY: ▼ 0.1%

tỷ VNĐ

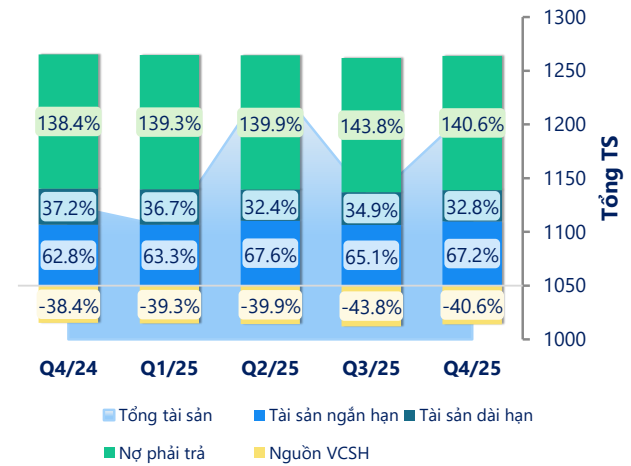
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

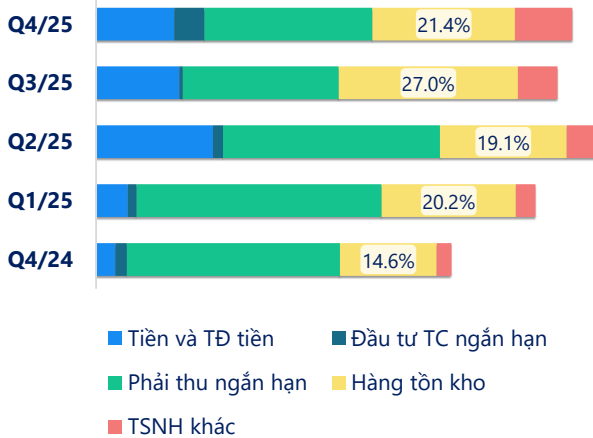
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



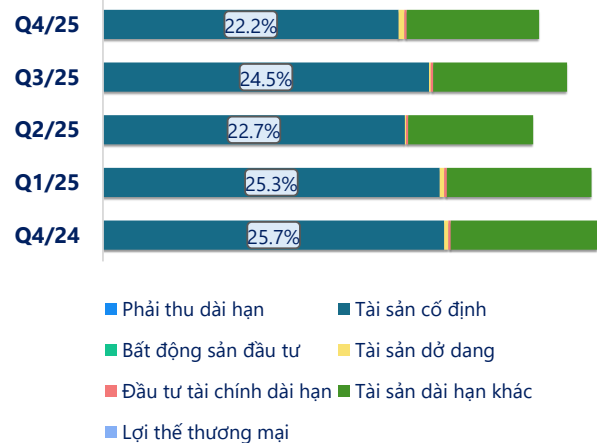
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

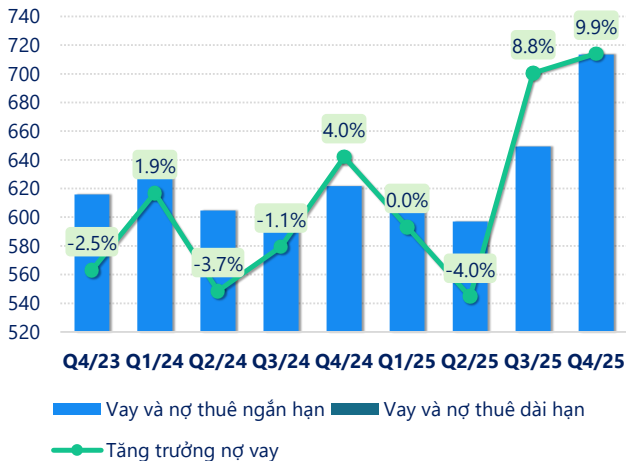
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

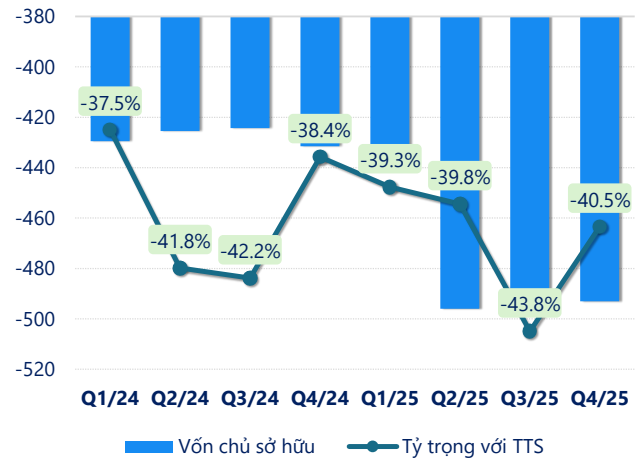
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

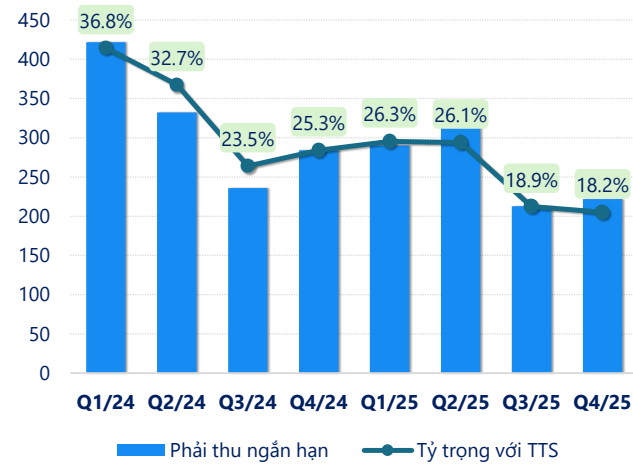
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



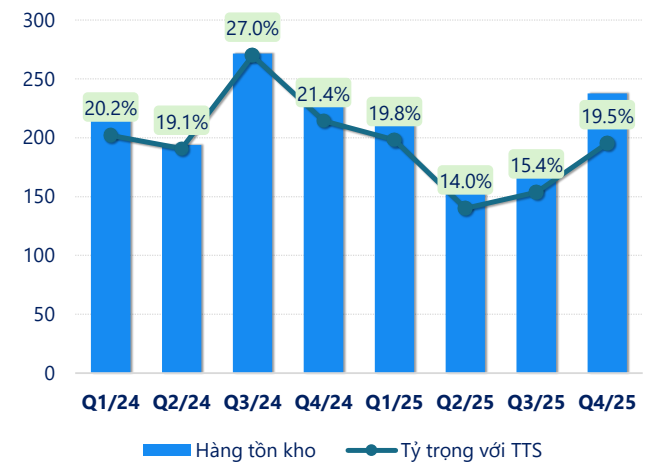
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


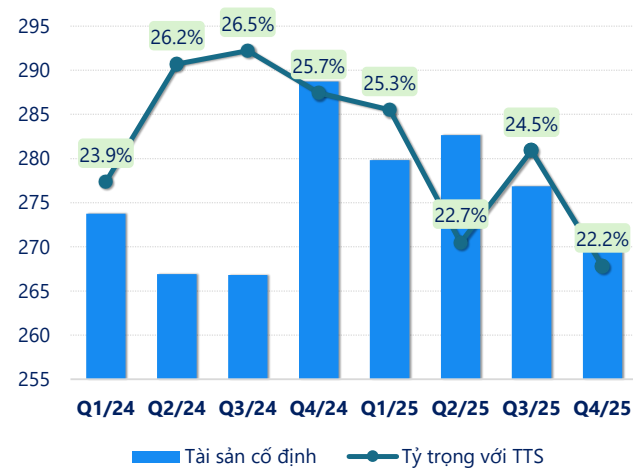
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


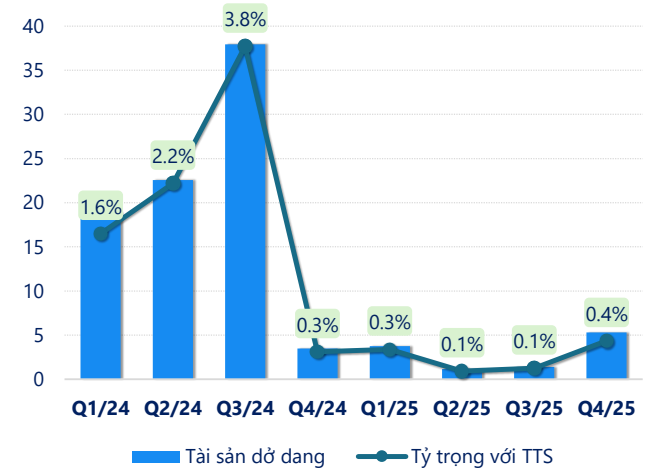
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

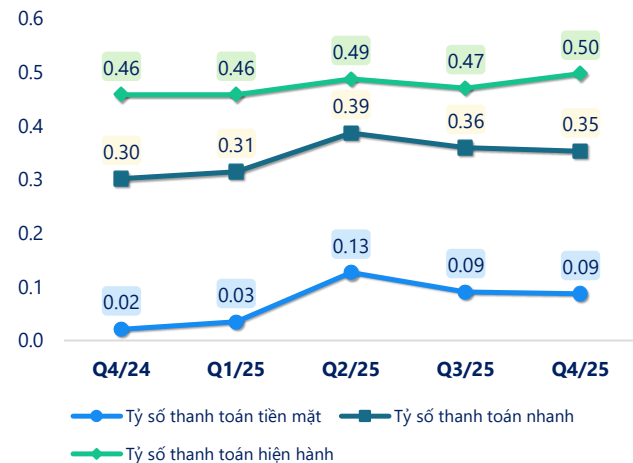
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

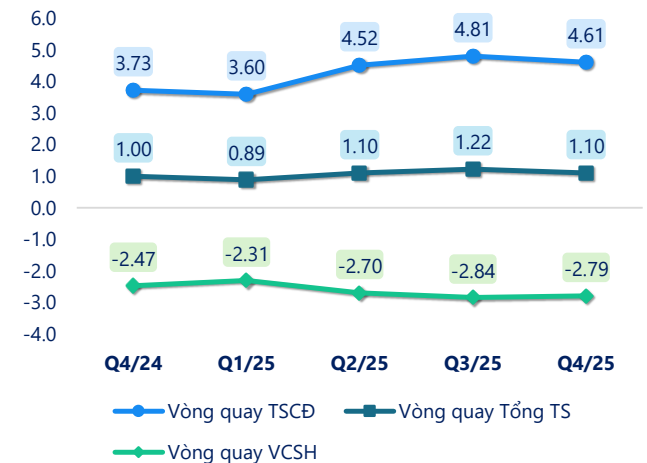
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,124	1,104	1,245	1,128	1,216
Tài sản ngắn hạn	706	698	842	735	817
Tiền và tương đương tiền	32.2	52.9	219	141	143
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.7	53.1	28.1	121	122
Phải thu ngắn hạn	284	290	325	213	222
Hàng tồn kho	241	219	174	173	238
Tài sản ngắn hạn khác	97.2	83.7	95.5	85.8	92.9
Tài sản dài hạn	418	406	403	394	399
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	289	280	283	277	270
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.48	3.74	1.15	1.40	5.29
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	124	120	117	114	121
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,556	1,539	1,741	1,623	1,709
Nợ ngắn hạn	1,542	1,525	1,727	1,562	1,643
Vay và nợ thuê ngắn hạn	622	622	597	649	713
Phải trả người bán ngắn hạn	381	327	377	253	290
Nợ dài hạn	13.7	13.7	13.7	61.5	66.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-432	-434	-496	-495	-493
Vốn chủ sở hữu	-432	-434	-496	-494	-493
Vốn điều lệ	595	595	595	595	595
Kinh phí và quỹ khác	-0.05	-0.05	-0.05	-0.05	-0.05

(Nguồn: fireant.vn)